

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 . ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 7 - 2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận và bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3.Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3.Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3.Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 462/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 462/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 330/2021/QĐST- HNGĐ ngày 22/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị Ng, sinh năm: 1982; Địa chỉ: 112/66 Tr, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Văn Hóa, sinh năm: 1968; Địa chỉ: 112/66 Tr, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hồ Văn H là ông Phạm Ngọc Hùng – Luật sư của Công ty luật TNHH An Mỹ thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đỗ Thị Hiệu- sinh năm 1939 và ông Cao Văn Bảy- sinh năm 1945. Cùng địa chỉ: 112/66 Trần Cao Vân, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, ông Bảy có mặt.

+ Bà Cao Thị Bích Lan- sinh năm 1979. Địa chỉ: 30/5 Đặng Thai Mai, thành phố Đà Nẵng, Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện vụ án dân sự ngày 30/11/2024, các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Cao Thị Ng trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với ông Hồ Văn H kết hôn với nhau vào năm 2001 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Nay là phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ tôi địa chỉ 112/66

đường Trần Cao Vân, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống cũng như cách nuôi dạy con cái. Tôi đã cố gắng nhẫn nhịn vì các con, đến nay, các con đã trưởng thành, tôi nhận thấy vợ chồng tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Hồ Văn H.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Hồ Trân Châu, Sinh ngày 29/6/2000, Hồ Diễm My, Sinh ngày 25/9/2006 và Hồ Anh Việt, Sinh ngày 01/4/2011. Ly hôn, tôi xin nuôi con Hồ Anh Việt và không yêu cầu ông Hồ Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Đối với các con chung Hồ Trân Châu và Hồ Diễm My đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi xác định giữa tôi và ông Hồ Văn H không có tài sản chung. Những tài sản chung ông Hoá trình bày, tôi xin có ý kiến như sau:

+ Đối với thửa đất số 232, tờ bản đồ số 115 tại địa chỉ Tổ 235 phường Hoà Minh (địa chỉ cụ thể số nhà 27/7 đường Nguyễn Huy Tưởng), quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 210723, số vào sổ cấp GCN: CTs12993 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/3/2013 cấp cho tôi đứng tên sở hữu, sử dụng. Đây là tài sản do ba, mẹ tôi mua và nhờ tôi đứng tên. Đến năm 2020, con gái lớn của tôi có gia đình, tôi có mong muốn tặng cho lại thửa đất này cho con gái nên tôi đề nghị ông Hoá ra Văn phòng công chứng để ký xác nhận tài sản riêng của tôi để thuận tiện làm thủ tục sau này. Do đó, xem xét về nguồn gốc cũng như Văn bản thoả thuận về tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân thì đây là tài sản riêng của tôi trong thời kỳ hôn nhân của tôi và ông Hoá.

+ Đối với thửa đất số 236, tờ bản đồ số 139 tại địa chỉ Lô 87 phân khu B2-24, Khu đô thị Phước Lý (địa chỉ cụ thể Số 23 đường Phước Lý 12), phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 448839, số vào sổ cấp GCN: VP00826 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng cấp ngày 23/01/2024 cấp cho tôi đứng tên sở hữu, sử dụng. Đây là tài sản của chị gái tôi là bà Cao Thị Bích Lan, sinh năm: 1979; Trú tại: 30/5 đường Đặng Thai Mai, thành phố Đà Nẵng, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Bình Điện, thành phố Huế để mua. Do chị tôi đang chấp hành án nên nhờ tôi đứng tên giúp, việc đưa tiền giữa chị em trong nhà nên chúng tôi không có lập thành văn bản. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng tôi đã không hoà thuận nên tôi lo đến ngày nào đó vợ chồng không còn sống chung, tài sản của riêng tôi sẽ xảy ra tranh chấp nên tôi yêu cầu ông Hoá ra Văn phòng công chứng để ký văn bản xác nhận tài sản riêng của tôi. Do đó, cũng xem xét về nguồn gốc và Văn bản thoả thuận về tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân thì đây là tài sản riêng của tôi trong thời kỳ hôn nhân của tôi và ông Hoá.

Ngoài ra, chúng tôi không còn tài sản nào hình thành trong thời kỳ hôn nhân.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và ông Hồ Văn H không có.

Về kết quả định giá bà Ngọc thống nhất và không có ý kiến gì. Đối với chi phí định giá tài sản bà yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Bị đơn ông Hồ Văn H trình bày:** Tôi xác nhận lời trình bày của bà Cao Thị

Ng về quá trình hôn nhân nêu trên là hoàn toàn đúng. Tôi vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình. Tôi vẫn còn thương yêu vợ nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Hồ Trân Châu, Sinh ngày 29/6/2000, Hồ Diễm My, Sinh ngày 25/9/2006 và Hồ Anh Việt, Sinh ngày 01/4/2011. Nếu ly hôn, tôi đồng ý giao con Hồ Anh Việt cho bà Ngọc trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp bà Ngọc không nuôi được con thì tôi đồng ý nuôi con.

Đối với các con chung Hồ Trân Châu và Hồ Diễm My đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong quá trình hôn nhân, tôi và bà Cao Thị Ng có tài sản chung là:

+ Nhà và đất tại địa chỉ K112/66 đường Trần Cao Vân, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng do cha mẹ vợ tặng cho hai vợ chồng, vợ chồng góp tiền xây dựng ngôi nhà trên đất. Tôi xác định đất do cha mẹ vợ cho nên tôi yêu cầu Toà án chia giá trị ngôi nhà trên đất.

+ Nhà và đất tại địa chỉ K27/76 đường Nguyễn Huy Tưởng, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng do hai vợ chồng mua đất ở tỉnh Quảng Nam, sau đó vợ chồng bán thửa đất ở tỉnh Quảng Nam để mua nhà và đất tại đường Nguyễn Huy Tưởng này, trên đất có 03 phòng trọ. Tôi xác định đây là tài sản chung vợ chồng nên tôi yêu cầu Toà án chia nhà và đất này.

+ Nhà và đất tại địa chỉ Số 23 đường Phước Lý 12, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng do vợ chồng làm ăn tích lũy, tiết kiệm mà mua, sau khi mua đất thì vợ chồng xây dựng một dãy phòng trọ gồm 04 phòng. Tôi xác định đây là tài sản chung vợ chồng nên tôi yêu cầu Toà án chia nhà và đất này.

Do tin tưởng nên tôi để vợ là bà Cao Thị Ng đứng tên một mình trên tất cả 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nêu trên.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và bà Cao Thị Ng không có.

Tại phiên toà ông Cao Văn Bảy trình bày: Nhà và đất tại địa chỉ K112/66 đường Trần Cao Vân, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng là của vợ chồng tôi, thấy Hồ Văn H hiền lành, chịu khó làm ăn nên tôi gả con gái Cao Thị Ng và cho ở rể, năm 2012 tôi xây dựng nhà và ở từ đó cho đến nay. Nay Hồ Văn H kiện chia tài sản cho rằng có đóng góp tiền vào xây nhà là hoàn toàn không đúng.

Tại bản tự khai ngày 02/4/2025 có xác nhận của Trại giam Bình Điện bà Cao Thị Bích Lan trình bày: Khoảng năm 2015 tôi có nhờ bà Ngọc đứng tên hộ lô đất ở phường Hoà Xuân. Tháng 03/2016 bà bị Công an bắt và đi chấp hành án, vợ chồng Ngọc, Hoá có vào thăm và nói số tiền bán lô đất ở Hoà Xuân chưa dùng đến bàn với tôi mua lại lô đất tại Phước Lý 12 và để Ngọc đứng tên một mình cho tôi an tâm tư tưởng cải tạo sau này về có chỗ ở.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3.Đà Nẵng, phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử,

Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân khu vực 3.Đà Nẵng đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng được đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 33; khoản 2, 3, 5 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 147, Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp Ly hôn của bà Cao Thị Ng đối với ông Hồ Văn H. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

Cho bà Cao Thị Ng được ly hôn với ông Hồ Văn H.

Về con chung: Giao con chung Hồ Anh Việt, Sinh ngày 01/4/2011 cho bà Ngọc trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với các con chung Hồ Trân Châu và Hồ Diễm My đã thành niên nên không đề cập đến.

Về tài sản chung: Bác yêu cầu chia tài sản chung của ông Hồ Văn H.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Cao Thị Ng nộp tại Tòa án nhân dân khu vực 3. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Cao Thị Ng và ông Hồ Văn H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nay là phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng vào ngày 21/8/1997, giấy chứng nhận kết hôn số 63, như vậy hôn nhân giữa bà Ngọc và ông Hoá là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Ngọc cho rằng vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Hoá nhiều lần xúc phạm, đe dọa, gây ảnh hưởng xấu đến công việc kinh doanh của bà. Bên cạnh đó, vợ chồng không thường xuyên sống chung cùng nhau nên tình cảm vợ chồng của ông Hoá dành cho bà Ngọc không được trọn vẹn. Hiện nay, bà không còn tình cảm và niềm tin đối với ông Hoá, luôn có sự căng thẳng về tinh thần nếu tiếp tục níu kéo cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do vậy, bà Ngọc yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoá. Ông Hoá thì xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức nghiêm trọng nên ông không đồng ý ly hôn và mong muốn đoàn tụ gia đình vì ông còn tình

cảm và yêu thương bà Ngọc.

Xét thấy, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên tình yêu thương và sự gắn kết của vợ chồng, tuy nhiên hiện nay bà Ngọc và ông Hoá đã sống ly thân mỗi người một nơi phù hợp với lời khai của các bên tại phiên toà. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã hòa giải, động viên cho vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Ngọc vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm và bất đồng quan điểm nên không thể chung sống cùng nhau; ông Hoá cũng xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, có bạo lực gia đình và trong quá trình giải quyết vụ án, hoà giải ông đồng ý ly hôn nhưng tại phiên toà hôm nay ông thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nguyện vọng xin ly hôn của bà Cao Thị Ng là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Có 03 con chung tên Hồ Trân Châu, Sinh ngày 29/6/2000, Hồ Diễm My, Sinh ngày 25/9/2006 và Hồ Anh Việt, Sinh ngày 01/4/2011. Bà Ngọc xin được nuôi con Hồ Anh Việt ông Hoá đồng ý giao con cho bà Ngọc nhưng tại phiên toà ông thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về con chung.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và trình bày của bị đơn thì thấy: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện kinh tế của mỗi bên cũng như xem xét tới quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Hiện con chung vẫn đang được bà Ngọc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Con đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho bà Ngọc trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Ngọc đủ khả năng tài chính nuôi các con nên không yêu cầu ông Hoá cấp dưỡng nuôi con.

Đối với các con chung Hồ Trân Châu và Hồ Diễm My đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay ông Hồ Văn H không đưa ra được chứng cứ chứng minh tài sản chung của vợ chồng, căn cứ vào các văn bản công chứng thoả thuận về tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân thì ông Hoá xác nhận đây là tài sản riêng của bà Cao Thị Ng, ông không có bất cứ sự đóng góp nào đối với việc mua hoặc hình thành tài sản nêu trên nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Hồ Văn H.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3.Đà Nẵng tại phiên toà hôm nay về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Cao Thị Ng đối với ông Hồ Văn H là có căn cứ.

Đối với kết quả định giá ông Hồ Văn H không có ý kiến gì và chi phí tố tụng ông Hoá đã nộp và chi xong.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Ly hôn” của nguyên đơn là bà Cao Thị Ng đối với bị đơn là ông Hồ Văn H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Cao Thị Ng được ly hôn với ông Hồ Văn H.
2. - *Về con chung*: Giao con chung Hồ Anh Việt, Sinh ngày 01/4/2011 cho bà Cao Thị Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Hồ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với các con chung Hồ Trân Châu và Hồ Diễm My đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Hồ Văn H đối với bà Cao Thị Ng.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Cao Thị Ng phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu số 0006006 ngày 03 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Ngọc đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả cho ông Hồ Văn H số tiền tạm ứng án phí 48.000.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0006131 ngày 19/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/7/2025).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 3.Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3.Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hậu

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ'
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hậu

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 15 phút, ngày 22 tháng 01 năm 2021

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Sơn

2. Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “*Chia tài sản sau khi ly hôn*” giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị Xuân**, sinh năm: 1983

Trú tại: Tổ 21, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng;

* **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Minh Xuân**, sinh năm: 1976

Trú tại: Tổ 21, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng;

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông **Phạm Ngọc Anh**, sinh năm: 1951

- Bà **Trần Thị Mai**, sinh năm: 1957

Cùng trú tại: Tổ 21, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Bà Trần Thị Mai ủy quyền cho ông Phạm Ngọc Anh, theo giấy ủy quyền được UBND phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng xác nhận ngày 15/7/2020.

* Người giám định:

1. Công ty TNHH thẩm định giá Hoàng Quân- Chi nhánh Đà Nẵng.

Địa chỉ: Tầng 6, 76-78 Bạch Đằng, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Ý kiến thảo luận của các thành viên Hội đồng xét xử:

- Ông Trần Văn Sơn; Chấp nhận đơn khởi kiện về việc chia tài sản sau khi ly hôn của bà Phạm Thị Xuân đối với ông Nguyễn Minh Xuân.

- Ông Nguyễn Tuấn Ngọc; Chấp nhận đơn khởi kiện về việc chia tài sản sau khi ly hôn của bà Phạm Thị Xuân đối với ông Nguyễn Minh Xuân.

- Ông Lê Văn Lâm; Chấp nhận đơn khởi kiện về việc chia tài sản sau khi ly hôn của bà Phạm Thị Xuân đối với ông Nguyễn Minh Xuân.

Sau khi thảo luận các thành viên trong Hội đồng xét xử đều thống nhất biểu quyết 3/3 và quyết định các nội dung sau:

Căn cứ vào Điều 33; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 213 Bộ luật

dân sự. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc chia tài sản sau khi ly hôn của bà Phạm Thị Xuân đối với ông Nguyễn Minh Xuân.

Tuyên xử: Bà Phạm Thị Xuân được quản lý, sử dụng ngôi nhà cấp 3, 02 tầng, 1 tầng (tum), móng cột khung dầm, sàn bê tông cốt thép, nền gạch men, mái đúc, tường xây, diện tích sàn 126,28m², tọa lạc trên diện tích đất 42,294m² (đất thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Ngọc Anh và bà Trần Thị Mai); tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 57, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 077412, sổ vào sổ cấp GCN: CTs 102493, do Sở tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 19/7/2016, đứng tên ông Phạm Ngọc Anh và bà Trần Thị Mai; tại tổ 21 (mới) phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng; trị giá ngôi nhà là 483.000.000 đồng.

Buộc bà Phạm Thị Xuân có nghĩa vụ bồi trả tiền chênh lệch tài sản cho ông Nguyễn Minh Xuân là: 241.500.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Án phí dân sự sơ thẩm: - Bà Phạm Thị Xuân phải chịu: 12.075.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0009932 ngày 05/6/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Bà Xuân còn phải nộp 3.075.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Minh Xuân phải chịu: 12.075.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 10 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

